

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
			A(X-Y-Z)	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Giáo dục đại cương			33								
1.1.Toán và Khoa học tự nhiên (bắt buộc)			15								
1	7010114	Toán cao cấp I	3	3							
2	7010120	Xác suất thống kê	3		3						
3	7080225	Tin học đại cương	3	3							
4		Các môn tự chọn nhóm A (tối thiểu 6 TC)	6		3	3					
1.2. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội			13								
5	7020105	Triết học Mác – Lênin	3	3							
6	7020302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2							
7	7020103	Pháp luật đại cương	2		2						
8	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa	2		2						
9	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					
10	7020301	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
Chứng chỉ (Quốc phòng + Thể chất)			14								
11		Giáo dục quốc phòng	11				3	3	5		
12		Giáo dục thể chất	3	1	1	1					
Ngoại ngữ			6								
13	7010601	Tiếng Anh 1	3		3						
14	7010602	Tiếng Anh 2	3			3					
2. Giáo dục chuyên nghiệp			87								
2.1. Cơ sở ngành/nhóm ngành			42								
2.1.1. Cơ sở khối ngành			6								
15	7070104	Kinh tế vi mô	3			3					
16	7070105	Kinh tế vĩ mô	3			3					
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành			20								
17	7070102	Kinh tế lượng	3			3					
18	7070107	Luật Kinh tế	2				2				
19	7070207	Marketing căn bản	3				3				
20	7070432	Nguyên lý kế toán	3				3				
21	7070214	Quản trị học	3				3				
22	7070435	Tài chính doanh nghiệp	3					3			
23	7070115	Tin học ứng dụng trong kinh tế	3							3	
2.1.3. Kiến thức ngành (dung cho QTKD, QTKD DK, QTKD Mỏ)			16								
24	7070419	Kế toán doanh nghiệp	3							3	
25	7070312	Kinh tế môi trường	2					2			
26	7070322	Quản trị dự án đầu tư	3					3			
27	7070306	Đồ án Quản trị dự án đầu tư	1						1		
28	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3				3				
29	7070210	Quản trị chất lượng	2					2			
30	7070333	Quản trị thương mại	2					2			
	Các môn của chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử		16								
24	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3				3				
25	7070225	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3					3			
26	7080118	Thiết kế Website	2					2			

27	7080502	An ninh và bảo mật Internet	3					3			
28	7070231	Quản trị quan hệ khách hàng	3						3		
29	7070205	Khởi nghiệp kinh doanh	2					2			
2.2. Chuyên ngành/ Các môn bắt buộc và tự chọn của chuyên ngành			45								
2.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh			45								
34	7070310	Kinh tế công nghiệp	3				3				
35	7070303	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2					2			
36	7070319	Quản trị chiến lược	3					3			
37	7070325	Quản trị nhân lực	3					3			
38	7070317	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh DN	3							3	
39	7070301	ĐA phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh DN	1							1	
40	7070328	Quản trị sản xuất	3					3			
41	7070302	ĐA quản trị kinh doanh	1							1	
42	7070323	Quản trị marketing	2					2			
43		Các môn tự chọn nhóm B (6 TC)	6					2	2	2	
44		Các môn tự chọn nhóm C (6 TC)	6		2			2		2	
45	7070332	Thực tập sản xuất (thực tập nghiệp vụ kinh tế)	2						2		
46	7070334	Thực tập tốt nghiệp	2								2
47	7070309	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	18	16	15	10
2.2.2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh dầu khí			45								
34	7070311	Kinh tế dầu khí	3				3				
35	7070205	Khởi nghiệp kinh doanh	2						2		
36	7070320	Quản trị chiến lược trong DN dầu khí	3						3		
37	7070304	Định mức kinh tế - kỹ thuật trong DN dầu khí	2						2		
38	7070326	Quản trị nhân lực trong DN dầu khí	3						3		
39	7070307	Đồ án Quản trị kinh doanh trong DN dầu khí	1							1	
40	7070318	Phân tích kinh tế trong DN Dầu khí	3							3	
41	7070305	Đồ án phân tích kinh tế HĐKD DN Dầu khí	1							1	
42	7070329	Quản trị sản xuất trong DN Dầu khí	3						3		
43		Các môn tự chọn nhóm B (6 TC)	6					2	2	2	
44		Các môn tự chọn nhóm C (6 TC)	6		2			2		2	
45	7070332	Thực tập sản xuất (thực tập nghiệp vụ kinh tế)	2						2		
46	7070334	Thực tập tốt nghiệp	2								2
47	7070309	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	16	18	15	10
2.2.3. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Mỏ			45								
34	7070206	Kinh tế công nghiệp mỏ	3				3				
35	7070205	Khởi nghiệp kinh doanh	2						2		
36	7070212	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp mỏ	3						3		

37	7070201	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp mỏ	2					2			
38	7070217	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp mỏ	3						3		
39	7070219	Quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	3						3		
40	7070208	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	3							3	
41	7070202	Đồ án phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	1							1	
42	7070203	Đồ án quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	1							1	
43		Các môn Tự chọn B	6					2	2	2	
44		Các môn Tự chọn C	6		2			2		2	
45	7070223	Thực tập nghiệp vụ kinh tế	2						2		
46	7070224	Thực tập tốt nghiệp	2								2
47	7070204	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	18	16	15	10
2.2.3. Chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử			45								
30	7070226	Quản trị TMĐT căn bản	3				3				
31	7070227	Quản trị Marketing điện tử	3						3		
32	7070228	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT	3						3		
33	7070229	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3						3		
34	7070230	Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT	3						3		
35	7070232	Quản trị dự án TMĐT	3						3		
36	7070233	Thanh toán điện tử	3							3	
37		Các môn Tự chọn B	6					2	2	2	
38		Các môn Tự chọn C	6		2			2		2	
39	7070234	Thực hành kỹ năng TMĐT	2							2	
40	7070235	Thực tập tốt nghiệp	2								2
41	7070236	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	17	17	15	10

VII. Nội dung chương trình

7.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

STT	Phần chương trình	Số tín chỉ
1	Giáo dục đại cương	34
1.1	Toán và khoa học cơ bản	15
	Bắt buộc toàn khối ngành	9
	Từng ngành tự chọn	6
1.2	Lý luận chính trị	11
1.3	Pháp luật đại cương	2
1.4	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ
1.5	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Chứng chỉ
1.6	Tiếng anh	6
2	Giáo dục chuyên nghiệp	87
2.1	Cơ sở ngành/ nhóm ngành	42
2.2	Chuyên ngành	45
2.2.1	Định hướng chuyên ngành	21
2.2.2	Tự chọn bắt buộc	6
2.2.3	Tự chọn tự do	6
2.2.4	Thực tập tốt nghiệp + Thực tập nghiệp vụ	4
2.2.5	Đồ án tốt nghiệp	8
Tổng khối lượng		121

7.2. Danh mục học phần chi tiết

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng A(X-Y-Z)	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1. Giáo dục đại cương			34								
1.1.Toán và Khoa học tự nhiên (bắt buộc)			15								
1	7010114	Toán cao cấp I	3	3							
2	7010120	Xác suất thống kê	3		3						
3	7080225	Tin học đại cương + TH (khối kinh tế)	3	3							
4		Các môn tự chọn nhóm A (tối thiểu 6 TC)	6		3	3					
1.2. Chính trị, Kinh tế, Văn hóa, Xã hội			13								
5	7020105	Triết học Mác – Lênin	3	3							
6	7020302	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2							
7	7020103	Pháp luật đại cương	2		2						
8	7020202	Chủ nghĩa xã hội khoa	2		2						
9	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			2					

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng A(X-Y-Z)	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
				1	2	3	4	5	6	7	8
10	7020301	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2					
Chứng chỉ (Quốc phòng + Thể chất)			14								
11		Giáo dục quốc phòng	11				3	3	5		
12		Giáo dục thể chất	3	1	1	1					
Ngoại ngữ			6								
13	7010601	Tiếng Anh 1	3		3						
14	7010602	Tiếng Anh 2	3			3					
2. Giáo dục chuyên nghiệp			87								
2.1. Cơ sở ngành/nhóm ngành			42								
2.1.1. Cơ sở khối ngành			6								
1	7070104	Kinh tế vi mô	3			3					
2	7070105	Kinh tế vĩ mô	3			3					
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành			23								
1	7070102	Kinh tế lượng	3			3					
2	7070107	Luật Kinh tế	2				2				
3	7070207	Marketing căn bản	3				3				
4	7070432	Nguyên lý kế toán	3				3				
5	7070214	Quản trị học	3				3				
6	7070435	Tài chính doanh nghiệp	3					3			
7	7070111	Thống kê kinh tế doanh nghiệp	3				3				
8	7070115	Tin học ứng dụng trong kinh tế	3							3	
2.1.3. Kiến thức ngành (dùng cho QTKD, QTKD DK, QTKD Mở)			13								
1	7070419	Kế toán doanh nghiệp	3							3	
2	7070312	Kinh tế môi trường	2					2			
3	7070322	Quản trị dự án đầu tư	3					3			
4	7070306	Đồ án Quản trị dự án đầu tư	1						1		
5	7070210	Quản trị chất lượng	2					2			
6	7070333	Quản trị thương mại	2					2			
Các môn của chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử			13								
1	7070225	Quản trị doanh nghiệp thương mại	3					3			
2	7080118	Thiết kế Website	2					2			
3	7070276	Ứng dụng Trí tuệ nhân tạo trong kinh doanh	3					3			
4	7070231	Quản trị quan hệ khách hàng	3						3		
5	7070278	Khởi nghiệp kinh doanh trong TMĐT	2						2		
Các môn của chuyên ngành Quản trị Marketing - truyền thông			14								

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng A(X-Y-Z)	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
				1	2	3	4	5	6	7	8
1	7070319	Quản trị chiến lược	3						3		
2	7070325	Quản trị nhân lực	3						3		
3	7070226	Quản trị TMĐT căn bản	3							3	
4	7070338	Nghiên cứu Marketing	3					3			
5	7070339	Hành vi người tiêu dùng	2				2				
2.2. Chuyên ngành/ Các môn bắt buộc và tự chọn của chuyên ngành			45								
2.2.1. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh			45								
1	7070310	Kinh tế công nghiệp	3				3				
2	7070303	Định mức kinh tế - kỹ thuật	2						2		
3	7070319	Quản trị chiến lược	3						3		
4	7070325	Quản trị nhân lực	3						3		
5	7070317	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh doanh nghiệp	3							3	
6	7070301	ĐA phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh doanh nghiệp	1							1	
7	7070328	Quản trị sản xuất	3						3		
8	7070302	ĐA quản trị kinh doanh	1							1	
9	7070323	Quản trị marketing	2					2			
10		Các môn tự chọn nhóm B (6 TC)	6					2	2	2	
11		Các môn tự chọn nhóm C (6 TC)	6		2			2		2	
12	7070332	Thực tập sản xuất (thực tập nghiệp vụ kinh tế)	2						2		
13	7070334	Thực tập tốt nghiệp	2								2
14	7070309	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	18	16	15	10
2.2.2. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh dầu khí			45								
1	7070311	Kinh tế dầu khí	3				3				
2	7070316	Một số vấn đề cơ bản về QLNN trong hoạt động dầu khí	2						2		
3	7070320	Quản trị chiến lược trong DN dầu khí	3						3		
4	7070304	Định mức kinh tế - kỹ thuật trong DN dầu khí	2						2		
5	7070326	Quản trị nhân lực trong DN dầu khí	3						3		
6	7070307	Đồ án Quản trị kinh doanh trong DN dầu khí	1							1	
7	7070318	Phân tích kinh tế trong DN Dầu khí	3							3	

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng A(X-Y-Z)	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
				1	2	3	4	5	6	7	8
8	7070305	Đồ án phân tích kinh tế HDKD DN Dầu khí	1							1	
9	7070329	Quản trị sản xuất trong DN Dầu khí	3						3		
10		Các môn tự chọn nhóm B (6 TC)	6					2	2	2	
11		Các môn tự chọn nhóm C (6 TC)	6		2			2		2	
12	7070331	Thực tập sản xuất (thực tập nghiệp vụ kinh tế)	2						2		
13	7070359	Thực tập doanh nghiệp	2								2
14	7070361	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	16	18	15	10
2.2.3. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh Mỏ			45								
1	7070206	Kinh tế công nghiệp mỏ	3				3				
2	7070277	Marketing công nghiệp	2						2		
3	7070212	Quản trị chiến lược trong doanh nghiệp mỏ	3						3		
4	7070201	Định mức kinh tế kỹ thuật trong doanh nghiệp công nghiệp mỏ	2					2			
5	7070217	Quản trị nhân lực trong doanh nghiệp mỏ	3						3		
6	7070219	Quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	3						3		
7	7070208	Phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	3							3	
8	7070202	Đồ án phân tích kinh tế hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp mỏ	1							1	
9	7070203	Đồ án quản trị sản xuất trong doanh nghiệp mỏ	1							1	
10		Các môn Tự chọn B	6					2	2	2	
11		Các môn Tự chọn C	6		2			2		2	
12	7070223	Thực tập nghiệp vụ kinh tế	2						2		
13	7070224	Thực tập tốt nghiệp	2								2
14	7070204	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	18	16	15	10
2.2.3. Chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử			45								
1	7070226	Quản trị TMĐT căn bản	3				3				
2	7070227	Quản trị Marketing điện tử	3							3	

STT	Mã MH	Tên học phần	Khối lượng A(X-Y-Z)	Kỳ học theo kế hoạch chuẩn							
				1	2	3	4	5	6	7	8
3	7070228	Chiến lược kinh doanh trong TMĐT	3						3		
4	7070229	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3						3		
5	7070230	Quản trị chuỗi cung ứng trong TMĐT	3						3		
6	7070232	Quản trị dự án TMĐT	3							3	
7	7070279	Thanh toán điện tử	2					2			
8		Các môn Tự chọn B	6					2	2	2	
9		Các môn Tự chọn C	6		2			2		2	
10	7070275	Quảng cáo trực tuyến: Lý thuyết và thực hành	3							3	
11	7070235	Thực tập tốt nghiệp	2								2
12	7070236	Đồ án tốt nghiệp	8								8
Tổng			121	11	15	19	17	17	16	16	10

2.2.4. Chuyên ngành Quản trị Marketing truyền thông			44								
1	7070343	Quản trị quảng cáo	2					2			
2	7070344	Quản trị bán hàng	3					3			
3	7070350	Quản trị giá	2					2			
4	7070341	Quản trị kênh phân phối	2						2		
5	7070342	Truyền thông Marketing	3							3	
6	7080236	Truyền thông đa phương tiện	3						3		
7	7070352	Chiến lược truyền thông	2						2		
8	7070340	Marketing số	3							3	
9	7070351	Thực hành kỹ năng Marketing – truyền thông	2							2	
10		Các môn Tự chọn B	6					2	2	2	
11		Các môn Tự chọn C	6		2			2		2	
12	7070362	Đồ án tốt nghiệp	8								8
13	7070360	Thực tập doanh nghiệp	2								2
Tổng			121	11	15	19	16	17	15	18	10